

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-03-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thuý Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Thanh Nguyên; bà Ché Thị Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Ngọc Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Chau Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1990; địa chỉ: Nhà T, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Thì Tuấn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Nhà T, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 01 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D trình bày:

Bà và ông T1 Tuấn T tự tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 17/5/2021. Sau khi cưới cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục sống chung với nhau, nên đã yêu cầu xin ly hôn vào ngày 17/4/2023 sau đó bà có rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Đến 14/7/2023 bà tiếp tục xin ly hôn và có rút đơn Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Do đó, tại phiên tòa hôm nay bà D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Thì Tuấn T.

Về con chung Thì Nguyễn Thiên K, sinh ngày 23/12/2021 và Thì Nguyễn Thiên A, sinh ngày 14/02/2023. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết; Nợ chung: không có.

Bị đơn ông **Thì Tuấn T** có đơn xin vắng mặt, trình bày ý kiến tại phiên hòa giải như sau:

Ông **T** thông nhất điều kiện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn như cô **D** trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng ít nhiều cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn với nhau. Về kinh tế gia đình bà **D** cho rằng ông không có phụ giúp kinh tế để nuôi các con là vì hiện nay nền kinh tế khó khăn chung, trong mấy tháng nay ông chưa ký được hợp đồng công trình mới, nên khó khăn về mặt kinh tế, nhưng ông vẫn cố gắng chu toàn việc chăm sóc gia đình, ngoài ra 02 đứa con còn quá nhỏ nên ông mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với bà **D**. Hiện tại ông vẫn sống chung với bà **D** tại **nhà trọ T3**. Ông **T** không đồng ý ly hôn với cô **D**.

Về con chung **Thì Nguyễn Thiên K**, sinh ngày 23/12/2021 và **Thì Nguyễn Thiên A**, sinh ngày 14/02/2023. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi 02 con không yêu cầu bà **D** cấp dưỡng việc nuôi con.

Tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết; Nợ chung: không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà **Nguyễn Ngọc D** vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập họp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông **Thì Tuấn T** hiện đang sống tại **ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng

với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc D và ông T1 Tuấn T tự tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 17/5/2021 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà D, ông T phát sinh mâu thuẫn nên đã hai lần bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T nhưng lại rút đơn, nay lại tiếp tục đề nghị xin ly hôn điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc D đối với ông Thì Tuấn T.

Về con chung tên Thì Nguyễn Thiên K, sinh ngày 23/12/2021 và Thì Nguyễn Thiên A, sinh ngày 14/02/2023 hiện đang sống chung với bà D, ông T. Cả bà D, ông T đều yêu cầu được nuôi 02 cháu sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì 02 cháu đều dưới 36 tháng tuổi nên được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, xét về điều kiện nuôi con thì bà D hiện là giáo viên trường mầm non Cô T2 có khoản thu nhập ổn định và 02 cháu đều là nữ nên giao 02 cháu cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà D tiếp tục nuôi 02 cháu K và A, ông T không phải cấp dưỡng việc nuôi con do bà D không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí. Ông Thì Tuấn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc D đối với ông Thì Tuấn T. Bà Nguyễn Ngọc D được ly hôn với ông Thì Tuấn T.

Về nuôi con chung: Giao 02 cháu Thì Nguyễn Thiên K, sinh ngày 23/12/2021 và Thì Nguyễn Thiên A, sinh ngày 14/02/2023 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà **D** cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông **T** quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **Nguyễn Ngọc D** phải chịu 300.000đ tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012238 ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà **D** đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND xã Lương An Trà;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Thúy Liễu